

CÔNG TY TNHH MTV CẢNG VŨNG RÔ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Của Công ty TNHH Một thành viên Cảng Vũng Rô

cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(Số liệu đã được kiểm toán và điều chỉnh theo

Biên bản kiểm tra, giám sát tài chính năm 2013 ngày 20/10/2014)

*của liên sở Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư và Sở Lao động Thương binh và
Xã hội tỉnh Phú Yên*

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
Thuyết minh Báo cáo tài chính	9 - 23

CÔNG TY TNHH MTV CẢNG VŨNG RÔ

Địa chỉ: Số 225 Hùng Vương, Phường 5, TP. Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH MTV Cảng Vũng Rô (gọi tắt là "Công ty") đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

KHAI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty TNHH MTV Cảng Vũng Rô là doanh nghiệp Nhà nước được chuyển đổi từ Công ty Vận tải Biển Phú Yên theo Quyết định số 957/QĐ-UBND ngày 28 tháng 5 năm 2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu ngày 19 tháng 9 năm 2007 và đăng ký thay đổi lần thứ 1 là ngày 15 tháng 3 năm 2011 và lần thứ 2 ngày 04 tháng 03 năm 2014 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Yên cấp.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4400116045 ngày 19/09/2007 là 248.700.000.000 đồng (*Bằng chữ: Hai trăm bốn mươi tám tỷ bảy trăm triệu đồng chẵn*).

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100106391 đăng ký thay đổi lần 02 ngày 04/3/2014 là 43.603.000.000 đồng (*Bằng chữ: Bốn mươi ba tỷ sáu trăm lẻ ba triệu đồng chẵn*).

Trụ sở chính của Công ty đặt tại: số 225 Hùng Vương, Phường 5, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên, Việt Nam.

Điện thoại: 057.3820312 Fax: 057.3823703

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày 31/12/2014 gồm:

Ông Huỳnh Xuân Minh Chủ tịch kiêm Giám đốc
Ông Hoàng Thanh Lâm Phó Giám đốc

KIỂM SOÁT VIÊN

Ông Nguyễn Thành Hiếu Kiểm soát viên Công ty

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Ông Nguyễn Thành Trí Kế toán trưởng Công ty

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty trong phạm vi phù hợp có trách nhiệm lập báo cáo tài chính điều chỉnh này theo khuôn khổ về lập và trình bày báo cáo tài chính được áp dụng, bao gồm cả việc trình bày hợp lý báo cáo tài chính trong các trường hợp cần thiết. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đối với kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn. Theo đó báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính năm 2014.

CÔNG TY TNHH MTV CẢNG VŨNG RÔ

Địa chỉ: Số 225 Hùng Vương, Phường 5, TP. Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên, Việt Nam

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc, *LM*



Huỳnh Xuân Minh

Chủ tịch kiêm Giám đốc

Phú Yên, ngày 31 tháng 12 năm 2014



AUDITING, INVESTMENT, FINANCE, ACCOUNTING
AND TAX CONSULTANCY
Số: 0101/2015/BCTC-COM.PT

COM.PT CO.,LTD
32/203, Chua Boc Street, Dong Da
District, Ha Noi
Tel: (84-4) 3 5 640 218; 0913 002299
Fax: (84-4) 6 2517 402
Email: comptkiemtoan@gmail.com

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/12/2014 của
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẢNG VŨNG RÔ

**Kính gửi: BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY TNHH MTV CẢNG VŨNG RÔ**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH MTV Cảng Vũng Rô (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 31/12/2014, từ trang 05 đến trang 23, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là "Báo cáo tài chính"). Bản báo cáo này đã được điều chỉnh theo Biên bản Kiểm tra, giám sát tài chính năm 2013 của liên sở Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Lao động Thương binh và Xã hội tỉnh Phú Yên ngày 20/10/2014.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo khuôn khổ về lập và trình bày Báo cáo tài chính được áp dụng, bao gồm cả việc trình bày hợp lý báo cáo tài chính trong các trường hợp cần thiết, phù hợp Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc báo cáo tài chính của Công ty không còn sai sót trọng yếu.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

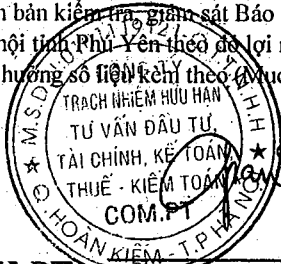
Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chúng tôi lưu ý người đọc Báo cáo tài chính rằng:

Do tới ngày 20 tháng 10 năm 2014, Công ty nhận được kết quả kiểm tra, giám sát Báo cáo tài chính năm 2013 của liên sở Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Lao động Thương binh và Xã hội tỉnh Phú Yên nên Báo cáo tài chính năm 2013 được điều chỉnh hồi tố theo Biên bản kiểm tra, giám sát Báo cáo tài chính năm 2013 của liên sở Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Lao động Thương binh và Xã hội tỉnh Phú Yên theo số lợi nhuận sau thuế của Công ty tại 01/01/2014 giảm từ số liệu 0 đồng xuống (45.570.912.143 đồng) và các ảnh hưởng số liệu kèm theo Mục 33 của Thuyết minh Báo cáo tài chính).



blon

COM.PT
ĐỘC LẬP - KHÁCH QUAN
THẦU HIỆU THỰC TIỄN

Vũ Hoàng Giang
Tổng Giám đốc

Lê Thị Hòa
Kiểm toán viên



ĐKHN kiểm toán: 0439-2013-069-1

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0653-2014-069-1

Hà Nội, ngày 22 tháng 1 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		13,960,098,949	7,815,608,987
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	12,380,864,596	6,398,256,059
1. Tiền	111		1,380,864,596	2,286,834,373
2. Các khoản tương đương tiền	112		11,000,000,000	4,111,421,686
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1,005,237,751	866,477,595
1. Phải thu của khách hàng	131	6	51,275,305,302	51,562,196,267
2. Trả trước cho người bán	132	7	900,000	10,627,045
5. Các khoản phải thu khác	135	8	160,897,131	12,733,188
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	9	(50,431,864,682)	(50,719,078,905)
IV. Hàng tồn kho	140		294,548,511	273,127,242
1. Hàng tồn kho	141	10	294,548,511	273,127,242
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		279,448,091	277,748,091
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	11	241,948,091	241,948,091
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	12	37,500,000	35,800,000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		47,194,890,930	50,539,984,619
II. Tài sản cố định	220		46,990,810,468	50,539,984,619
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	43,981,792,868	47,462,058,219
<i>Nguyên giá</i>	222		65,465,485,236	65,318,785,053
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(21,483,692,368)	(17,856,726,834)
3. Tài sản cố định vô hình	227	14	3,009,017,600	3,077,926,400
<i>Nguyên giá</i>	228		3,445,440,000	3,445,440,000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(436,422,400)	(367,513,600)
V. Tài sản dài hạn khác	260		204,080,462	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	15	204,080,462	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		61,154,989,879	58,355,593,606

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		39,649,319,739	41,636,360,129
I. Nợ ngắn hạn	310		39,606,478,830	41,636,360,129
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	16	28,913,995,256	32,426,495,256
2. Phải trả người bán	312	17	5,031,590,422	5,583,708,882
3. Người mua trả tiền trước	313	18	30,127,039	3,215,773
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	19	423,468,463	174,412,831
5. Phải trả công nhân viên	315		1,913,520,445	81,205,853
6. Chi phí phải trả	316	20	3,140,437,376	2,889,546,603
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	21	79,008,924	132,594,026
11. Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323		74,330,905	345,180,905
II. Nợ dài hạn	330		42,840,909	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338	22	42,840,909	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		21,505,670,140	16,719,233,477
I. Vốn chủ sở hữu	410	23	21,505,670,140	16,719,233,477
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		55,672,672,927	55,672,672,927
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		6,617,472,693	6,617,472,693
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		(40,784,475,480)	(45,570,912,143)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		61,154,989,879	58,355,593,606

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Chỉ tiêu	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
4. Nợ khó đòi đã xử lý		1,082,212,080	701,360,061
5. Ngoại tệ các loại			
- USD		-	594.14

Người lập biểu



Huỳnh Hà Giang

Kế toán trưởng



Nguyễn Thành Trí

Phú Yên, ngày 31 tháng 12 năm 2014

Chủ tịch Kiểm Giám đốc



C. TY TNHH
MỘT THÀNH VIÊN
CẢNG VŨNG RÔ
TP. TUY HÒA, T. PHÚ YÊN

Huỳnh Xuân Minh

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

Năm nay

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	24	28,830,987,531	30,219,596,670
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		28,830,987,531	30,219,596,670
4. Giá vốn hàng bán	11	25	16,456,235,477	19,424,439,567
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		12,374,752,054	10,795,157,103
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	489,066,516	479,460,513
7. Chi phí tài chính	22	27	20,457	2,936,464,967
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	2,936,464,967
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	28	8,093,298,820	53,911,028,427
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		4,770,499,293	(45,572,875,778)
11. Thu nhập khác	31	29	110,017,370	1,963,635
12. Chi phí khác	32	30	94,080,000	-
13. Lợi nhuận khác	40		15,937,370	1,963,635
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		4,786,436,663	(45,570,912,143)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		4,786,436,663	(45,570,912,143)

Người lập biểu



Huỳnh Hà Giang

Kế toán trưởng



Nguyễn Thành Trí

Phú Yên, ngày 31 tháng 12 năm 2014

Chủ tịch Kiểm Giám đốc



Huỳnh Xuân Minh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		31,823,831,969	39,636,552,790
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(10,085,182,286)	(17,323,842,284)
Tiền chi trả cho người lao động	03		(3,725,995,327)	(6,602,359,216)
Tiền chi trả lãi vay	04		-	(350,518,364)
Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		-	(455,825,411)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		466,869,390	1,774,574,341
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(9,018,043,864)	(8,624,131,110)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		9,461,479,882	8,054,450,746
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và TSDH khác	21		(365,292,183)	(323,446,545)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22		-	-
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ đơn vị khác	24		-	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		398,920,838	439,060,513
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		33,628,655	115,613,968
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	-
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(3,512,500,000)	(23,904,600,000)
Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(3,512,500,000)	(23,904,600,000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		5,982,608,537	(15,734,535,286)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		6,398,256,059	22,132,791,345
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70		12,380,864,596	6,398,256,059

Người lập biểu



Huỳnh Hà Giang

Kế toán trưởng



Nguyễn Thành Trí

Phú Yên, ngày 31 tháng 12 năm 2014

Chủ tịch kiêm Giám đốc



Huỳnh Xuân Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

Công ty TNHH MTV Cảng Vũng Rô là doanh nghiệp Nhà nước được chuyển đổi từ Công ty Vận tải Biển Phú Yên theo Quyết định số 957/QĐ-UBND ngày 28 tháng 5 năm 2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu ngày 19 tháng 9 năm 2007 và đăng ký thay đổi lần thứ 1 là ngày 15 tháng 3 năm 2011 và lần thứ 2 ngày 04 tháng 03 năm 2014 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Yên cấp.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4400116045 ngày 19/09/2007 là 248.700.000.000 đồng (Bằng chữ: Hai trăm bốn mươi tám tỷ bảy trăm triệu đồng chẵn).

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100106391 đăng ký thay đổi lần 02 ngày 04/3/2014 là 43.603.000.000 đồng (Bằng chữ: Bốn mươi ba tỷ sáu trăm lẻ ba triệu đồng chẵn).

Thông tin về các đơn vị trực thuộc của Công ty

Công ty có đơn vị trực thuộc sau	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Chi nhánh Công ty TNHH MTV Cảng Vũng Rô (tỉnh Phú Yên)	1/6 Ứt Tịch, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Kinh doanh xuất nhập khẩu các mặt hàng: Vải, Sợi các loại, vật tư, thiết bị...

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là: Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa. Chi tiết: Trung chuyển hàng hóa trong vùng nội cảng bằng tàu, xà lan; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy. Chi tiết: Cứu hộ ô tô; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy. Chi tiết: Cứu hộ tàu biển; Dịch vụ đại lý hàng hải, mua bán và xuất nhập khẩu: Nông sản, thực phẩm, thủy sản, lâm sản, hàng may mặc, hàng thủ công mỹ nghệ, hàng công nghệ phẩm, hàng tiêu dùng, phương tiện vận tải; Kinh doanh hàng nội thương: Vải sợi, hàng tiêu dùng, thủy sản chế biến, hàng tiêu dùng, thiết bị và phụ tùng thay thế; Quản lý và khai thác biển Vũng Rô; Dịch vụ cung ứng hệ động lực - máy móc, thiết bị cho tàu đánh cá xa bờ./.

Hoạt động chính của Công ty là:

- Dịch vụ đại lý hàng hải;
- Xuất nhập khẩu trực tiếp và ủy thác; xuất khẩu: Nông sản, thủy sản, lâm sản, khoáng sản, hàng may mặc, hàng thủ công mỹ nghệ, hàng công nghệ thực phẩm; nhập khẩu: Vật tư, nguyên vật liệu, phụ liệu, phương tiện vận tải, thiết bị phục vụ sản xuất, hàng tiêu dùng;
- Kinh doanh nội thương: Vải, sợi các loại, hàng tiêu dùng, nông sản, thủy sản chế biến, máy móc thiết bị và phụ tùng thay thế;
- Quản lý và khai thác Cảng biển Vũng Rô;
- Dịch vụ cung ứng hệ động lực - Máy móc, thiết bị cho tàu đánh cá xa bờ.

Tại ngày 31/12/2014, Công ty có 146 lao động đang làm việc, bao gồm 04 viên chức quản lý, 34 lao động gián tiếp và 108 lao động trực tiếp.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Năm tài chính

Giai đoạn tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Lưu ý người đọc

Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty đã được điều chỉnh theo Biên bản kiểm tra, giám sát tài chính năm 2013 của Liên sở Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Lao động Thương binh và Xã hội tỉnh Phú Yên ngày 20/10/2014.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**Mẫu số B 09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI**

Ngày 19 tháng 6 năm 2013, Quốc hội đã ban hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 32/2013/QH13. Luật này sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 ngày 3 tháng 6 năm 2008 của Quốc hội. Luật số 32/2013/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2013 và áp dụng cho năm tài chính 2014 trở đi. Ban Giám đốc đánh giá Luật số 32/2013/QH13 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính của Công ty cho niên độ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính**Ghi nhận ban đầu**

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra. Nguyên tắc trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi được căn cứ theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 07/12/2009.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung (nếu có), để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 07/12/2009. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận phù hợp với tiêu chuẩn ghi nhận tài sản cố định quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 "Tài sản cố định hữu hình". Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Quyền sử dụng đất

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn (chi phí bảo hiểm các loại và phí sử dụng đường bộ của phương tiện, chi phí công cụ dụng cụ và bảo hộ lao động) vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng hai năm theo các quy định kế toán hiện hành.

Chi phí tiền lương và các khoản trích BHXH, BHYT, KPCĐ và bảo hiểm thất nghiệp

Quỹ tiền lương được xác định bao gồm quỹ tiền lương thực hiện của người lao động và quỹ tiền lương thực hiện của viên chức quản lý. Chi phí tiền lương được xác định và phân bổ vào chi phí sản xuất, kinh doanh của các bộ phận trực tiếp, gián tiếp có liên quan từng kỳ hạch toán.

- Về tiền lương thực hiện của người lao động năm 2014:

Trong năm 2014, Công ty đã Xây dựng Quy chế trả lương theo quy định tại khoản Khoản 2 Điều 10 của Thông tư 18/2013/TT-BLĐTBXH ngày 09/9/2013 của Bộ Lao động - Thương binh và xã hội.

Công ty xác định lao động thực tế sử dụng bình quân, tiền lương bình quân thực hiện năm 2014 và Quỹ tiền lương thực hiện của người lao động năm 2014 căn cứ quy định hiện hành tại Điều 6 Nghị định số 50/2013/NĐ-CP và Điều 8 Thông tư số 18/2013/TT-BLĐTBXH:

$$\begin{aligned} *TL_{bqth2014} &= TL_{bqth2013} + TL_{nsth2013} + TL_{lnth2014} \\ &= 4.522.010 + 1.819.946 + 0 = 6.341.956 \text{ đồng} \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} *V_{th2014} &= LĐ_{ttd2014} \times TL_{bqth2014} \times 12 \\ &= 113 \text{ người} \times 6.341.956 \text{ đ} \times 12 = 8.599.692.830 \text{ đồng} \end{aligned}$$

Công ty chưa tính lương lợi nhuận cho năm 2014 dù có lợi nhuận kinh doanh lãi trong năm 2014 do phải bù trừ chuyển lỗ kinh doanh năm 2013. Công ty sẽ tính lương lợi nhuận cho người lao động khi có sự chấp thuận bằng văn bản của chủ sở hữu là Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên và cơ quan chủ quản.

Việc phân phối tiền lương cho người lao động năm 2014 căn cứ theo quy định hiện hành tại Điều 7 Nghị định số 50/2013/NĐ-CP và Điều 10 Thông tư số 18/2013/TT-BLĐTBXH và Quy chế trả lương của Công ty.

- Về tiền lương thực hiện của viên chức quản lý năm 2014:

Công ty xác định tiền lương bình quân thực hiện năm 2014 và Quỹ tiền lương thực hiện năm 2014 phù hợp với quy định hiện hành tại Điều 6 Nghị định số 51/2013/NĐ-CP, khoản 1 và điểm a,b,c khoản 2 Điều 9 Thông tư số 19/2013/TT-BLĐTBXH:

$$\begin{aligned} V_{thveql2014} &= L_{veql2014} \times TL_{bqth2014} \times 12 \\ &= 04 \times 16.621.347 \text{ đ} \times 12 = 797.824.741 \text{ đồng} \end{aligned}$$

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Công ty chưa tính lương năng suất cũng như lương lợi nhuận năm 2014 cho viên chức quản lý dù có lợi nhuận kinh doanh lãi trong năm 2014 do phải bù trừ chuyển lỗ kinh doanh năm 2013. Công ty sẽ tính lương năng suất và lương lợi nhuận cho viên chức quản lý khi có sự chấp thuận bằng văn bản của chủ sở hữu là Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên và cơ quan chủ quản.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**Mẫu số B 09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Các khoản trích BHXH, BHYT, KPCĐ và bảo hiểm thất nghiệp được tính trích và ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh theo đúng quy định hiện hành. Công ty đã thực hiện các khoản trích lập và nộp theo quy định hiện hành.

Chi phí đi vay

Chi phí lãi vay bao gồm Chi phí phải trả lãi vay phải trả phát sinh trong năm tài chính có liên quan đến các khoản vay tín dụng các ngân hàng thương mại và các đối tượng khác theo quy định hiện hành.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu. Vốn chủ sở hữu là vốn nhà nước giao theo Quyết định giao vốn cho Công ty ở thời điểm giao vốn.

Các Quỹ Đầu tư phát triển, Quỹ dự phòng tài chính, Quỹ khen thưởng, phúc lợi được tính trích lập theo Thông tư số 220/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ phân phối lợi nhuận đối với công ty TNHH một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu.

Ghi nhận doanh thu**Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 "Doanh thu và thu nhập khác" như sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 "Doanh thu và thu nhập khác" như sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái" và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Thuế suất áp dụng: 22% lợi nhuận trước thuế.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	23,620,593	61,151,301
Tiền gửi ngân hàng	1,357,244,003	2,225,683,072
Tiền đang chuyển	-	-
Các khoản tương đương tiền (1)	11,000,000,000	4,111,421,686
	12,380,864,596	6,398,256,059

(1) Tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn từ 1 đến 3 tháng (lãi suất từ 4% đến 5,3%/năm) tại Ngân hàng Agribank Tỉnh Phú Yên và Ngân hàng Agribank TP Tuy Hòa

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Công ty Cổ phần Nông sản Đỗ Gia	-	25,114,078
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Hàng hải Việt Anh	-	35,782,855
Công ty TNHH Hưng Thịnh	-	32,026,995
Công ty Cổ phần VTB Nam Thành	3,258,375	-
Công ty TNHH Kinh doanh thương mại Bích Thủy	70,020,059	-
Công ty Cổ phần Mía đường Tuy Hòa	8,169,480	-
Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Kim Cang	52,702,826	7,147,200
Công ty Cổ phần Khoáng sản Krông Pa	47,814,200	86,257,050
Công ty Cổ phần - Tổng công ty Miền Trung	-	25,994,595
Công ty Cổ phần Thương mại Ngọc Khánh	-	11,884,960
Công ty Cổ phần Phan Khang Phú Yên	-	67,922,255
Công ty TNHH Vận tải và Thương mại Nhân Khanh	26,851,298	-
Công ty TNHH Phúc Hưng	585,046,157	454,996,120
DNTN Dịch vụ Vận tải và Thương mại Quốc Đán	-	312,125,986
Công ty TNHH Thương mại Thu Hương	-	25,461,215
Công ty TNHH Vận tải và Dịch vụ VINAFICO Miền Trung	-	41,223,006
CN Công ty Cổ phần VICEM Vật Liệu Xây Dựng Đà Nẵng tại Phú Yên	-	4,395,270
CN TCT CP Tập đoàn kinh tế Xuân Thành tại Phú Yên	49,578,225	-
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Đại Lộc (1)	49,954,996,739	49,954,996,739
Công ty TNHH Nguồn tiếp vận Song long	31,367,943	31,367,943
Công ty TNHH SXTM Vinh Phát Đạt	445,500,000	445,500,000
	51,275,305,302	51,562,196,267

(1) Số dư nợ phải thu được chốt tại ngày 25/03/2013 không tiếp tục tính lãi chậm trả do Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Đại Lộc đã ngừng hoạt động và lâm vào tình trạng phá sản. Công ty đã trích đủ 100% dự phòng phải thu khó đòi cho khoản nợ phải thu này theo Biên bản kiểm tra, giám sát tài chính năm 2013 của Liên sở Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Lao động Thương binh và Xã hội tỉnh Phú Yên.

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Văn phòng luật sư Phúc Luật	-	5,000,000
Công ty TNHH Vạn Tường	-	5,627,045
Các nhà cung cấp khác	900,000	-
	900,000	10,627,045

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Phải thu khác (Dư nợ)	116,078,938	9,323,777
Phải thu chờ xử lý tiền nhiên liệu thiếu sau kiểm kê 31/12/2014	1,381,260	-
Phải thu về tiền vé dịch vụ hạ tầng tháng 12/2014	80,000	-
Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Tỉnh Phú Yên (Lãi dự thu)	18,402,778	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn TP Tuy Hòa (Lãi dự thu)	71,742,900	-
Ngân hàng TMCP Hàng Hải tỉnh Phú Yên (Lãi dự thu)	-	9,323,777
Phải thu phần chi vượt quỹ lương năm 2013	24,472,000	-
Phải trả khác (Dư nợ)	44,818,193	3,409,411
Kinh phí công đoàn	-	3,409,411
Phải thu BHXH, BHYT, BHTN trừ lương tháng 12/2014	44,818,193	-
	160,897,131	12,733,188

9. DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Đại Lộc	(49,954,996,739)	(49,954,996,739)
Công ty TNHH Nguồn tiếp vận Song long	(31,367,943)	(31,367,943)
Công ty TNHH SXTM Vinh Phát Đạt	(445,500,000)	(445,500,000)
Công ty Cổ phần Nông sản Đỗ Gia	-	(25,114,078)
Công ty TNHH Hưng Thịnh	-	(32,026,995)
Công ty Cổ phần Thương mại Ngọc Khánh	-	(11,584,960)
DNTN Dịch vụ Vận tải và Thương mại Quốc Đán	-	(218,488,190)
	(50,431,864,682)	(50,719,078,905)

10. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	284,745,254	273,127,242
Công cụ, dụng cụ	9,132,727	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	294,548,511	273,127,242

11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-
Thuế TNDN	230,939,942	230,939,942
	241,948,091	241,948,091

12. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tạm ứng	37,500,000	35,800,000
- Lê Thị Bưởi	-	10,000,000
- Nguyễn Thị Lệ	-	5,000,000
- Phạm Văn Duyên Chung	-	1,900,000
- Nguyễn Minh Tuấn	-	8,900,000
- Bùi Tấn Nguyên	-	7,000,000
- Nguyễn Võ Anh Quốc	-	3,000,000
- Tạm ứng lương công nhân bốc xếp tháng 12/2014	37,500,000	-
	37,500,000	35,800,000

13. TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Tài sản cổ định khác	Cộng
Nguyên giá					
Tại ngày 01/01/2014	46,842,069,887	938,614,525	17,475,373,368	62,727,273	65,318,785,053
Mua trong năm	-	60,000,000	-	-	60,000,000
XDCB hoàn thành	305,292,183	-	-	-	305,292,183
Thanh lý, nhượng bán	-	-	218,592,000	-	218,592,000
Tại ngày 31/12/2014	47,147,362,070	998,614,525	17,256,781,368	62,727,273	65,465,485,236

CÔNG TY TNHH MTV CẢNG VŨNG RÔ

Báo cáo tài chính

Địa chỉ: Số 225 Hùng Vương, Phường 5, TP. Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên, Việt Nam cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Hao mòn lũy kế					
Tại ngày 01/01/2014	9,052,760,402	449,320,379	8,308,793,780	45,852,273	17,856,726,834
Khấu hao trong năm	2,085,191,234	122,251,472	1,539,534,828	7,500,000	3,754,477,534
Thanh lý, nhượng bán	-	-	127,512,000	-	127,512,000
Tại ngày 31/12/2014	11,137,951,636	571,571,851	9,720,816,608	53,352,273	21,483,692,368
Giá trị còn lại					
Tại ngày 01/01/2014	37,789,309,485	489,294,146	9,166,579,588	16,875,000	47,462,058,219
Tại ngày 31/12/2014	36,009,410,434	427,042,674	7,535,964,760	9,375,000	43,981,792,868

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình chưa trích khấu hao là 9.674.732.751 đồng bao gồm tài sản Bên liên bờ và san lấp mặt bằng và Công hợp thoát nước. Đây là những tài sản được bán giao vốn từ Ban Quản lý dự án các công trình trọng điểm Tỉnh Phú Yên từ năm 2007. Công ty đã có văn bản gửi UBND tỉnh Phú Yên đề nghị chuyển mục đích sử dụng sang phục vụ hoạt động công ích và UBND tỉnh Phú Yên đã có Thông báo số 53/TB-UBND ngày 23/1/2009 đề nghị Sở Tài chính Phú Yên có phương hướng xử lý. Tuy nhiên Công ty vẫn chưa nhận được văn bản chỉ đạo của cấp có thẩm quyền.

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay:

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam Chi nhánh Phú Yên là 5.522.352.201 đồng.

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam Chi nhánh Phú Yên là 7.125.749.011 đồng.

14. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Giá trị quyền sử dụng đất	Cộng
Nguyên giá		
Tại ngày 01/01/2014		
Tại ngày 31/12/2014	3,445,440,000	3,445,440,000
Hao mòn lũy kế		
Tại ngày 01/01/2014		
Khấu hao trong năm	367,513,600	367,513,600
Tại ngày 31/12/2014	68,908,800	68,908,800
Giá trị còn lại		
Tại ngày 01/01/2014		
Tại ngày 31/12/2014	436,422,400	436,422,400
Tại ngày 01/01/2014	3,077,926,400	3,077,926,400
Tại ngày 31/12/2014	3,009,017,600	3,009,017,600

Giá trị quyền sử dụng đất tại 225 Hùng Vương, TP Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên hiện được thế chấp cho khoản vay của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam Chi nhánh Phú Yên.

15. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Công cụ dụng cụ có giá trị lớn	132,734,318	-
Chi phí bảo hộ lao động, vệ sinh	28,006,660	-
Chi phí bảo hiểm, khác	43,339,484	-
	204,080,462	-

16. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Vay ngắn hạn	28,913,995,256	32,426,495,256
Vay ngân hàng	28,913,995,256	32,426,495,256
VND	28,913,995,256	32,426,495,256
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Phú Yên (1)	10,197,144,328	11,859,644,328
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Phú Yên (2)	18,716,850,928	20,566,850,928
	28,913,995,256	32,426,495,256

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

(1) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Phú Yên theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 1164 ngày 04/07/2012 để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn cho vay cụ thể được ghi trên giấy nhận nợ từng lần giải ngân, thời gian vay tối đa là 6 tháng. Khoản vay được đảm bảo bằng việc thế chấp Quyền sử dụng đất và sở hữu công trình tại số 225 Hùng Vương, TP. Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên. Công ty hiện đang đề xuất gia hạn trả nợ vay ngân hàng đến năm 2019.

(2) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Phú Yên theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2012/HĐTD ngày 18/11/2012 để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh mặt hàng vải, sợi và thép lá nhập khẩu. Thời hạn cho vay quy định theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể. Thời hạn vay tối đa là 6 tháng. Khoản vay được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản: một số tài sản cố định hữu hình, số dư tài khoản tiền gửi sản xuất kinh doanh của Công ty tại Ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác, các khoản phải thu, các quyền lợi theo Hợp đồng kinh tế mà Công ty là người thụ hưởng. Các khoản vay này đã được gia hạn trả gốc đến năm 2019 theo Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2014/2469794/HĐTD ngày 30/06/2014.

17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Công ty Cổ phần 97	14,956,000	-
DNTN Vận tải Đình Thê	50,772,468	-
Công ty TNHH MTV Đóng tàu Nha Trang	9,187,518	-
Công ty TNHH Nam Hải	9,582,084	-
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Song Tiến	15,857,076	-
Bưu điện tỉnh Phú Yên	20,360,000	-
DNTN Trung Kiên	-	70,214,265
Công ty TNHH Hưng Gia Nguyễn	4,107,334,501	4,607,334,501
Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Liên An	803,540,775	906,160,116
	5,031,590,422	5,583,708,882

18. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
DNTN Đức Thủy	3,695,120	-
Công ty TNHH MTV Thực phẩm và Đầu tư FOCOCEV	676,460	-
Nguyễn Ngọc Hải	485,120	-
Công ty Cổ phần Muối và Thương mại Nghệ An	396,034	-
Công ty TNHH Nali	3,129,973	3,129,973
Công ty TNHH Thương mại Phú Thành	20,068,640	-
Công ty TNHH Đá mỹ nghệ Sơn Trạch	-	85,800
Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Tấn Hưng	307,303	-
Công ty Cổ phần Thương mại Thành Thành Công	1,368,389	-
	30,127,039	3,215,773

19. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Thuế GTGT	423,468,463	174,412,831
	423,468,463	174,412,831

20. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Trích trước chi phí lãi vay, lãi phạt (CN HCM)	2,585,546,603	2,585,546,603
Trích trước chi phí lãi trả chậm (Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Liên An)	260,974,113	-
Trích trước tiền án phí (Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Liên An)	47,014,000	-
Trích trước chi phí sửa chữa lớn TSCĐ (Tàu Vũng Rô 01)	64,000,000	304,000,000
Trích trước chi phí khác năm 2014	182,902,660	-
- Chi phí tiền nước, điện thoại tháng 12/2014 (Văn phòng Cty, Cảng Vũng Rô)	16,889,952	-
- Chi phí tiền ăn ca, lương ngoài giờ, lương phép, đồng phục, phụ cấp khác phải trả năm 2014	166,012,708	-
	3,140,437,376	2,889,546,603

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

21. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Bảo hiểm xã hội	-	121,585,877
Nhận ký cược ký quỹ ngắn hạn	40,000,000	-
- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Thành Mỹ Phát	20,000,000	
- DNTN Thương mại Vĩnh Lợi	20,000,000	
Tiền thuế TNCN (đư có 1388)	11,008,149	11,008,149
Phải trả về lương CB đang tạm giam (50%)	28,000,775	-
	79,008,924	132,594,026

22. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Thành Mỹ Phát	26,250,000	-
DNTN Thương mại Vĩnh Lợi	7,500,000	-
Cửa hàng Trang trí nội thất Thanh Hải	9,090,909	-
	42,840,909	-

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu (xem chi tiết trang 23)

24. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	28,830,987,531	30,219,596,670
	28,830,987,531	30,219,596,670

25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa và dịch vụ	16,456,235,477	19,424,439,567
	16,456,235,477	19,424,439,567

26. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	13,448,949	17,851,081
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	475,573,943	461,609,432
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	43,624	-
	489,066,516	479,460,513

27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền vay	-	2,936,464,967
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	20,457	-
	20,457	2,936,464,967

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

28. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước sau	Điều chỉnh theo	Năm trước trước
	VND	điều chỉnh hồi tố	Biên bản kiểm tra	điều chỉnh hồi tố
		(**)	(*)	
	VND	VND	VND	VND
Chi phí nhân viên	4,670,042,933	2,459,722,672	(24,472,000)	2,484,194,672
Chi phí vật liệu, đồ dùng	194,464,941	109,048,140	-	109,048,140
Chi phí khấu hao tài sản cố định	606,124,452	593,938,847	-	593,938,847
Chi phí dự phòng	93,637,796	45,595,384,143	45,595,384,143	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	489,233,140	538,914,912	-	538,914,912
Chi phí khác	2,039,795,558	4,614,019,713	-	4,614,019,713
Cộng	8,093,298,820	53,911,028,427	45,570,912,143	8,340,116,284

(*) Số liệu điều chỉnh hồi tố theo kết quả của Biên bản kiểm tra, giám sát tài chính năm 2013 của Liên sở Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Lao động Thương binh và Xã hội tỉnh Phú Yên.

(**) Điều chỉnh nhằm mục đích so sánh khoản mục tương ứng của Chi phí quản lý doanh nghiệp. Việc điều chỉnh bản chất được thực hiện theo Mục 33 - Số liệu so sánh.

29. THU NHẬP KHÁC

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Thu thanh lý TSCĐ	87,400,000	-
Thu thanh lý cấp phế liệu	5,136,364	-
Nhập lại nhiên liệu thừa sau kiểm kê	16,798,221	-
Xử lý công nợ	88,726	1,963,635
Thu nhập khác	594,059	-
Cộng	110,017,370	1,963,635

30. CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi thanh lý TSCĐ	94,080,000	-
Cộng	94,080,000	-

31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2014	01/01/2014	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	12,380,864,596	6,398,256,059	12,380,864,596	6,398,256,059
Phải thu khách hàng, phải thu khác	1,004,337,751	855,850,550	1,004,337,751	855,850,550
	13,385,202,347	7,254,106,609	13,385,202,347	7,254,106,609
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	28,913,995,256	32,426,495,256	28,913,995,256	32,426,495,256
Phải trả người bán, phải trả khác	5,110,599,346	5,716,302,908	5,110,599,346	5,716,302,908
	37,165,031,978	41,032,344,767	37,165,031,978	41,032,344,767

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác), cụ thể như sau:

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2014				
Tiền và các khoản tương đương tiền	12,380,864,596	-	-	12,380,864,596
Phải thu khách hàng, phải thu khác	1,004,337,751	-	-	1,004,337,751
	13,385,202,347	-	-	13,385,202,347
Tại ngày 01/01/2014				
Tiền và các khoản tương đương tiền	6,398,256,059	-	-	6,398,256,059
Phải thu khách hàng, phải thu khác	855,850,550	-	-	855,850,550
	7,254,106,609	-	-	7,254,106,609

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2014				
Vay và nợ	28,913,995,256	-	-	28,913,995,256
Phải trả người bán, phải trả khác	5,110,599,346	-	-	5,110,599,346
	37,165,031,978	-	-	37,165,031,978
Tại ngày 01/01/2014				
Vay và nợ	32,426,495,256	-	-	32,426,495,256
Phải trả người bán, phải trả khác	5,716,302,908	-	-	5,716,302,908
	41,032,344,767	-	-	41,032,344,767

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ phải trả người bán và phải trả khác là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn. Riêng tiền vay phải trả ngân hàng hiện đang được Công ty đề xuất với các Ngân hàng cho vay để được trả nợ vay theo kế hoạch đến năm 2019.

32. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Không có các sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động của Công ty và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty sau ngày kết thúc kỳ kế toán.

33. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu đầu kỳ được lấy theo Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C và phân loại lại nhằm phù hợp với số liệu tài chính năm nay, đồng thời đã được điều chỉnh hồi tố theo kết quả của Biên bản kiểm tra, giám sát tài chính năm 2013 của Liên sở Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Lao động Thương binh và Xã hội tỉnh Phú Yên.

Số liệu trên Báo cáo tài chính trước và sau khi điều chỉnh hồi tố các sai sót phát sinh của kỳ trước:

- Các chỉ tiêu trong Bảng cân đối kế toán tại ngày 01/01/2014:

Stt	Chi tiêu	Mã số	Trước điều chỉnh hồi tố	Điều chỉnh hồi tố	Sau điều chỉnh hồi tố
1	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	(17,123,780,442)	(33,595,298,463)	(50,719,078,905)
2	Chi phí trả trước dài hạn	261	12,000,085,680	(12,000,085,680)	-
3	Phải trả công nhân viên	315	105,677,853	(24,472,000)	81,205,853
4	Lợi nhuận chưa phân phối	420	-	(45,570,912,143)	(45,570,912,143)

Trong đó:

- (33.595.298.463) là khoản điều chỉnh tăng trích dự phòng khoản phải thu khách hàng Công ty TNHH Sản xuất và Thương Mại Đại Lộc (từ 30% lên 100%)
- (12.000.085.680) là khoản điều chỉnh kết chuyển hết chi phí trả trước ngắn hạn về treo tiền trích dự phòng phải thu Công ty TNHH Sản xuất và Thương Mại Đại Lộc
- (24.472.000) là khoản điều chỉnh chi phí tiền lương năm 2013 do vượt quỹ tiền lương
- (45.570.912.143) là tổng hợp ảnh hưởng các khoản điều chỉnh trên chỉ tiêu Lợi nhuận chưa phân phối tại ngày 01/01/2014.

Người lập biểu



Huỳnh Hà Giang

Kế toán trưởng



Nguyễn Thành Trí

Phú Yên, ngày 31 tháng 12 năm 2014

Giám đốc Kiểm toán



Huỳnh Xuân Minh

CÔNG TY TNHH MTV CĂNG VÙNG RỜ

Địa chỉ: Số 225 Hùng Vương, Phường 5, TP. Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên, Việt Nam

Báo cáo tài chính
cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31/12/2014**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Chênh lệch tỉ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Tại ngày 01/01/2013	Tại ngày 31/12/2013					
Tăng vốn năm trước	55,672,672,927	-	5,285,376,071	944,073,904	-	61,902,122,902
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	1,332,096,622	(944,073,904)	(45,570,912,143)	(45,182,889,425)
Giảm vốn năm trước	-	-	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	388,022,718	388,022,718
Tại ngày 01/01/2014	55,672,672,927	-	6,617,472,693	-	(388,022,718)	(388,022,718)
Tăng vốn kỳ này	-	-	-	-	(45,570,912,143)	16,719,233,477
Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	-	4,786,436,663	4,786,436,663
Giảm vốn kỳ này	-	-	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2014	55,672,672,927	-	6,617,472,693	-	(40,784,475,480)	21,505,670,140